

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng:
Góc nhìn từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công trên thế giới
Phạm Việt Dũng

Nhận diện các mô hình thành công trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc là các quốc gia rất thành công trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng với đó là tăng trưởng kinh tế cao trong dài hạn. Tiến trình trong chiến lược công nghiệp hóa của Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc có thể khái quát ở Bảng 1.

BẢNG 1						
Tiến trình trong chiến lược công nghiệp hóa của Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc						
Quốc gia	Những năm 1950	Những năm 1960	Những năm 1970	Những năm 1980	Những năm 1990	Những năm 2000 đến nay
Trung Quốc		GIẢI ĐOẠN 1965 - 1976: Quốc phòng/công nghiệp (công nghiệp nặng)	GIẢI ĐOẠN 1977 - 1978: Nhập khẩu nhà máy	GIẢI ĐOẠN 1978 - 1991: Phát triển công nghiệp nhẹ, thay thế nhập khẩu	GIẢI ĐOẠN Từ năm 1992: Định hướng xuất khẩu, phát triển hạ tầng công nghệ cao	GIẢI ĐOẠN • Hướng sang đổi mới sáng tạo • Từ năm 2015: Định hướng phát triển trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
Nhật Bản	GIẢI ĐOẠN Giai đoạn 1950 - 1958: Sản xuất thay thế nhập khẩu	GIẢI ĐOẠN Từ năm 1959: Định hướng xuất khẩu	GIẢI ĐOẠN Từ năm 1967: Tự do hóa	GIẢI ĐOẠN • Giữa những năm 1980: Hướng sang đổi mới sáng tạo • Quốc tế hóa	GIẢI ĐOẠN Chiến lược toàn diện cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	
Hàn Quốc		GIẢI ĐOẠN Giai đoạn 1962 - 1971: Định hướng xuất khẩu	GIẢI ĐOẠN Giai đoạn 1972 - 1981: Định hướng xuất khẩu; các ngành công nghiệp nặng, hóa chất thay thế nhập khẩu	GIẢI ĐOẠN Từ năm 1980: Tự do hóa (thương mại, đầu tư, tài chính)	GIẢI ĐOẠN Những năm 90: Hướng sang đổi mới sáng tạo	GIẢI ĐOẠN Cải cách công nghiệp sản xuất phù hợp bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Bảng 1: Tiến trình trong chiến lược công nghiệp hóa của Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc_Nguồn: Masuyama và cộng sự (2001) ⁽¹⁾, có sự bổ sung của tác giả *Nhật Bản*

Sau gian đoạn tái thiết sau chiến tranh (1946 - 1948) là giai đoạn bình ổn (1950 - 1958). Trong giai đoạn này, Nhật Bản theo đuổi *chiến lược hướng về xuất khẩu*. Để khuyến khích xuất khẩu, Nhật Bản đã có chính sách tài trợ ưu đãi, trợ cấp cho xuất khẩu. Đây là giai đoạn tăng trưởng nhất của Nhật Bản, trung bình 10,5% liên tục trong 12 năm, tốc độ phát triển công nghiệp hằng năm từ 13,5% đến 15,9%. Một số ngành công nghiệp then chốt tăng trưởng mạnh với nhịp độ rất nhanh. Nhật Bản đẩy mạnh xuất khẩu tàu biển, đồ điện tử, xe máy, ô tô...

Thời kỳ tăng trưởng ổn định (1959 - 1970). Với chủ trương định hướng xuất khẩu, Nhật Bản phát triển nền kinh tế theo hướng mở, tăng cường hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân. Nhà nước thực hiện phát triển kinh tế ngành, đưa ra các giải pháp đặc biệt cho công nghiệp chế tạo máy và công nghiệp điện tử. Tự do hóa kinh tế trong giai đoạn này đã làm tăng sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp Nhật Bản. Nhật Bản hướng về xuất khẩu thiết bị máy móc.

Từ giữa những năm 60 của thế kỷ XX, Nhật Bản tham gia mạnh mẽ vào mạng lưới sản xuất toàn cầu và có sự chuyên biệt về sản phẩm công nghệ cao, như về thiết bị điện tử. Trong điều chỉnh cơ cấu công nghiệp, Nhật Bản ưu tiên những ngành có hàm lượng trí tuệ cao, sử dụng ít nguyên, nhiên liệu, vật liệu và lao động sống, như sản xuất máy tính điện tử, máy bay, rô-bốt công nghiệp, mạch tổ hợp, vật liệu composit, thiết bị thủy điện..., thiết bị liên lạc, thiết bị học tập, thiết bị tự động hóa, thiết bị công nghiệp đồng bộ, dịch vụ thu thập, xử lý và truyền thông.

Từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, do nhiều ngành công nghiệp không còn sức cạnh tranh quốc tế, như công nghiệp than, hóa dầu, phân bón, dệt, giấy, luyện nhôm, kim loại, khoáng chất, sắt, đóng tàu... nên Chính phủ Nhật Bản đã từng bước điều chỉnh sang mô hình công nghiệp hóa bền vững hướng hội nhập, các doanh nghiệp mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới, như vật liệu mới, thông tin, máy tính, kỹ thuật điện tử, bán dẫn.

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chính phủ Nhật Bản đã từng bước ban hành và triển khai các chính sách đề tận dụng cơ hội này. Năm 2013, “Chiến lược toàn diện cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” đã được Nhật Bản đưa ra, trong đó tập trung thúc đẩy thông minh hóa, hệ thống hóa và toàn cầu hóa. Cùng với đó, các công nghệ trọng tâm cũng được ưu tiên phát triển trong Chiến lược là công nghệ số, công nghệ na-no và công nghệ môi trường.

Hàn Quốc

Hàn Quốc bước vào công nghiệp hóa với xuất phát điểm thấp, được khởi đầu từ năm 1962, với kế hoạch 5 năm lần thứ I (1962 - 1966) và được tiếp tục duy trì ở 6 kế hoạch 5 năm tiếp theo và có thể chia ra làm các giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất (1962 - 1966). Đây là giai đoạn Hàn Quốc triển khai thực hiện chiến lược *thay thế nhập khẩu*, lấy thị trường nội địa làm đối tượng chính. Để triển khai thành công chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu, Hàn Quốc đã áp dụng một loạt các biện pháp cụ thể và tích cực, như khuyến khích phát triển và có những điều kiện ưu đãi cho các ngành công nghiệp cần có nhiều sức lao động, ít vốn nhưng đạt hiệu quả nhanh, dễ thu lãi. Với chính sách này, các ngành công nghiệp nhẹ, như công nghiệp chế biến lương thực, dệt, may mặc, giày dép... đã phát triển nhanh, một số sản phẩm của các ngành công nghiệp này cũng bắt đầu được xuất khẩu, nhất là các sản phẩm của ngành dệt.

Giai đoạn thứ hai (1967 - 1971). Giai đoạn này tương ứng với kế hoạch 5 năm lần thứ II, lấy *phát triển các ngành công nghiệp phục vụ xuất khẩu* là nhiệm vụ ưu tiên. Trong kế hoạch này, Hàn Quốc tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động như dệt may, đồ da, gỗ, giấy, thủy tinh, chất dẻo, công nghiệp chế biến lương

thực, thực phẩm để xuất khẩu.

Giai đoạn 1972 - 1981. Giai đoạn này tương ứng với kế hoạch 5 năm lần thứ III (1972 - 1976) và lần thứ IV (1977 - 1981). Hàn Quốc giai đoạn này thực hiện chiến lược công nghiệp hóa *vừa hướng ra xuất khẩu, vừa thay thế nhập khẩu* trên cơ sở phát triển các ngành công nghiệp nặng có hàm lượng vốn lớn và trình độ kỹ thuật cao. Để thực hiện chiến lược này, Chính phủ Hàn Quốc đã công bố kế hoạch phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp hóa chất, trong đó ưu tiên đặc biệt cho ngành đóng tàu, luyện kim, cơ khí, oto và hóa dầu, xem đây là các ngành “công nghiệp chiến lược” của giai đoạn này.

Giai đoạn từ 1982 đến đầu những năm 1990. Chiến lược công nghiệp hóa hướng tới trình độ kỹ thuật cao và được xác định là trọng điểm của giai đoạn này. Chính phủ Hàn Quốc đã xác định các ngành, như điện tử, cơ khí, sinh hóa, nguyên tử,... là những ngành chiến lược.

Tháng 6-2014, Chính phủ Hàn Quốc đã chính thức đưa ra chiến lược “*Cải cách công nghiệp sản xuất 3.0*”. Chiến lược này đồng nghĩa với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phiên bản Hàn Quốc. Nhiệm vụ trọng tâm của Chiến lược 3.0 là tạo ra giá trị mới và tăng khả năng cạnh tranh bằng cách đưa công nghệ thông tin vào các nhà máy, từ đó nhanh chóng xây dựng hệ thống nhà máy thông minh.

Trung Quốc

Giai đoạn từ năm 1978 đến năm 1991: Trung Quốc *chú trọng phát triển công nghiệp nhẹ*, coi phát triển công nghiệp nhẹ là chiến lược ưu tiên hàng đầu. Các ngành công nghiệp được lựa chọn ưu tiên phát triển là những ngành sợi, dệt may, điện dân dụng, chế biến nông sản... Chiến lược phù hợp với giai đoạn này, bởi sử dụng nhiều lao động và không cần đầu tư quá nhiều vốn.

Giai đoạn từ năm 1992 đến nay, công nghiệp Trung Quốc có sự thay đổi lớn, *hướng mạnh về xuất khẩu và tạo hạ tầng hiện đại*, chuyển dần sang làm chủ công nghệ, đổi mới sáng tạo. Trong giai đoạn này, Trung Quốc tập trung vào việc hợp lý hóa cơ cấu công nghiệp, phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn phục vụ xuất khẩu như công nghiệp oto, điện tử, thông tin, hóa dầu... Cùng với việc hợp lý hóa lại cơ cấu các ngành công nghiệp nhẹ, Trung Quốc chú trọng phát triển các ngành công nghiệp cơ bản, như dầu khí, năng lượng, sắt thép,... Để xây dựng hạ tầng công nghệ cao, Trung Quốc chuyển trọng tâm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ số lượng sang chất lượng, chú trọng thu hút các dự án sử dụng kỹ thuật cao.

Tháng 5-2015, Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành chiến lược “Made in China 2025” với mục tiêu đưa Trung Quốc trở thành một cường quốc chế tạo của thế giới với trình độ công nghệ tiên tiến và sáng tạo hàng đầu thế giới đã xác định mười lĩnh vực ưu tiên phát triển⁽²⁾. Với chiến lược “Made in China 2025”, tiến trình công nghiệp hóa của Trung Quốc bước sang trang mới với định hướng phát triển cho các ngành công nghiệp của mình trong thời đại cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cơ cấu kinh tế không ngừng được ưu việt hóa, các ngành, nghề mới nổi mang tính chiến lược như chế tạo công nghệ cao giữ được đà phát triển nhanh. Hiện nay, rất nhiều lĩnh vực ngành chế tạo của

Trung Quốc đã đạt tới trình độ tiên tiến trên thế giới, như rô-bốt công nghiệp; năng lượng hạt nhân,...

Nguyên nhân tạo nên sự thành công của các mô hình

Để có được thành công ở các quốc gia trên, nguyên nhân chính là chính sách phù hợp để chuyển đổi mô hình phát triển.

Thứ nhất, định hướng phát triển phù hợp với từng giai đoạn.

Với đặc điểm chung là xuất phát điểm thấp, từ nước nghèo, các quốc gia này trong giai đoạn đầu ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ trung bình, sử dụng nhiều lao động, vốn đầu tư không lớn. Tuy nhiên, các quốc gia này vẫn coi trọng những ngành công nghiệp cơ bản, như gang, thép, hóa dầu, than,... Đến giai đoạn công nghiệp hóa phát triển cao, các quốc gia này chuyển hướng, phát triển những ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, như công nghiệp oto, điện tử,... Những năm gần đây, trong xu thế cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các quốc gia này đã ban hành chiến lược, chính sách thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

Trong những năm 1950, “chính sách mục tiêu” (Targeted Policies) trở thành trung tâm của các chính sách công nghiệp của Nhật Bản. Một số ngành công nghiệp mục tiêu được “hợp lý hóa” (Gorika) để “bắt kịp” với chính sách công nghiệp Nhật Bản (mục tiêu là để đạt được năng lực cạnh tranh quốc tế) gồm các ngành công nghiệp thép, than, đóng tàu, điện, sợi tổng hợp và phân bón hóa học, hóa dầu, máy công cụ và các bộ phận và điện tử. Cùng với đó, trong giai đoạn này, một số ngành công nghiệp đã được chú ý ưu tiên nhằm “thiết lập” ngành công nghiệp mới, cụ thể là oto, máy móc điện năng, máy tính và các ngành công nghiệp hóa dầu.

Đến những năm 1960 và 1970, để tăng lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm công nghiệp của mình, Nhật Bản tiến hành lựa chọn phát triển các ngành, sản phẩm chủ lực, được nghiên cứu sâu, hướng về xuất khẩu, thích hợp với nhu cầu thị trường thế giới và lợi thế so sánh của Nhật Bản. Ban đầu, Nhật Bản lựa chọn các ngành sợi bông, hóa dầu, luyện thép, điện tử rồi chuyển dần sang các ngành cơ khí, máy móc thiết bị sinh hoạt và robot...

Hàn Quốc đã cải tổ đáng kể chính sách công nghiệp của nước này theo thời gian. Ba giai đoạn khác nhau của chính sách công nghiệp đánh dấu thời kỳ công nghiệp hóa cao từ thập niên 1960 đến 1980. Trong những năm 1960, mỗi quan tâm chính sách chính là thúc đẩy các ngành xuất khẩu thâm dụng lao động cũng như sản xuất công nghiệp cơ bản. Vào những năm 1970, Chính phủ đã ráo riết theo đuổi một chính sách công nghiệp chọn lọc. Trong những năm 1980, Hàn Quốc đã chuyển sang một chính sách công nghiệp tích cực, hướng tới hợp lý hóa và đổi mới công nghiệp. Chính sách công nghiệp của Hàn Quốc sau đó tập trung vào việc khôi phục sự phát triển cân bằng bằng cách thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các hoạt động kinh tế khu vực.

Bên cạnh đó, với việc xác định công nghiệp chế biến, chế tạo là trọng tâm để hiện đại hóa đất nước, Hàn Quốc đã ban hành nhiều đạo luật để quản lý và thúc đẩy phát triển các ngành này, cụ thể, như Luật về Cụm liên kết ngành và xí nghiệp công nghiệp năm

1991, Luật Thúc đẩy đổi mới công nghệ năm 2006, Luật chung về Phát triển công nghiệp năm 2009,... Các đạo luật này thường xuyên được sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ để phù hợp với bối cảnh phát triển của Hàn Quốc.

Sự thay đổi trong chính sách phát triển kinh tế, nhất là việc mở cửa thu hút FDI từ sau năm 1978 là chính sách quan trọng nhất thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp oto của Trung Quốc. Trung Quốc nhanh chóng dỡ bỏ các rào cản và ban hành các chính sách thông thoáng thu hút FDI vào ngành công nghiệp oto. Nhờ đó, hầu hết các hãng oto lớn trên thế giới đã có mặt tại nước này, như Volkswagen của Đức, GM và Ford của Mỹ, Toyota của Nhật Bản và Peugeot - Citroen và Fiat của châu Âu. Đây được xem là bước ngoặt trong phát triển công nghiệp oto Trung Quốc.

Hai là, tăng cường liên kết chuỗi giá trị trong các ngành.

Chính phủ Nhật Bản chú trọng phát triển liên kết giữa các nhà thầu phụ mà chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với các doanh nghiệp lớn. Nhật Bản đã xây dựng chính sách công nghiệp nhằm kịp thời đáp ứng những biến đổi trong môi trường kinh doanh và cân bằng lợi ích giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ và doanh nghiệp lớn. Ví dụ, trong những năm 1940, nhu cầu về các sản phẩm trong ngành công nghiệp cơ khí tăng mạnh khiến các doanh nghiệp lớn phải ký hợp đồng với các doanh nghiệp nhỏ hơn (cung cấp linh phụ kiện) thay vì mở rộng cơ sở sản xuất. Để điều chỉnh quan hệ này, Chính phủ Nhật Bản khi đó đã ban hành Luật về Hợp tác với doanh nghiệp vừa và nhỏ (năm 1949) nhằm bảo vệ quyền đàm phán của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong những năm 1950, các nhà thầu phụ thường bị các công ty mẹ trì hoãn thanh toán. Chính phủ đã can thiệp bằng việc ban hành Luật Phòng, chống trì hoãn thanh toán cho các nhà thầu phụ. Trong những năm 1960 và 1970, ngành, nghề chế tạo mở rộng nhanh chóng nhờ việc sản xuất hàng loạt dẫn đến cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp lớn. Vì thế, các doanh nghiệp lớn rất cần các nhà thầu phụ có khả năng nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm chi phí để giúp họ tăng sức mạnh cạnh tranh cho sản phẩm của mình. Chính phủ hỗ trợ xu thế này thông qua việc ban hành Luật Xúc tiến doanh nghiệp thầu phụ vừa và nhỏ vào năm 1970 để tạo thuận lợi cho các hoạt động thầu phụ.

Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành những chính sách mang tính ép buộc đối với các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân lớn trong vấn đề chia sẻ thị trường, cơ hội cho doanh nghiệp nhỏ, thể hiện tính tiên phong, dẫn dắt, đầu tư vào khoa học công nghệ và con người để tạo ra một hệ sinh thái phát triển chung, thiết lập các mô hình liên kết win-win giữa doanh nghiệp đầu tàu và các nhà cung ứng nhằm tạo cơ hội cho doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển, cũng như hình thành liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp.

Chính phủ Trung Quốc thiết lập các chính sách khuyến khích quá trình học hỏi công nghệ và chuyển từ liên kết ngang (theo chiều rộng) sang liên kết dọc (theo chiều sâu) trong chuỗi giá trị ngành công nghiệp oto nội địa. Để tận dụng lợi thế thị trường và hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, Trung Quốc khuyến khích các doanh nghiệp trong ngành sản xuất và lắp ráp oto ở Trung Quốc tiêu thụ trong thị trường nội địa, ban hành chính sách hạn chế

nhập khẩu oto sản xuất ở nước ngoài. Vì vậy, Trung Quốc đã thu hút được nhiều tập đoàn sản xuất oto nước ngoài đầu tư trực tiếp vào thị trường Trung Quốc. Trung Quốc còn ban hành và áp dụng nhiều chính sách khuyến khích và thúc đẩy phát triển thị trường linh kiện, phụ tùng oto nội địa rộng lớn và kết nối các nhà sản xuất trong nước. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp trong nước thực hiện liên kết, liên doanh với các doanh nghiệp lớn nước ngoài trong cung cấp phụ tùng, linh kiện nội địa.

Ba là, thúc đẩy phân bố không gian, liên kết vùng trong phát triển.

Thay vì các chính sách phát triển công nghiệp với hàng loạt các tác động xấu xảy ra, như dân số quá tải, ô nhiễm môi trường thì các cụm liên kết công nghiệp được Chính phủ Nhật Bản quan tâm và năm 1972 Đạo luật Xúc tiến di chuyển khu công nghiệp ra đời, hành lang pháp lý quan trọng cho sự hình thành và phát triển các cụm liên kết công nghiệp tại Nhật Bản sau này. Chính phủ Nhật Bản ban hành các đạo luật và chính sách nhằm thu hút các doanh nghiệp di chuyển nguồn lao động đến các khu vực ít đô thị hóa hơn, tập trung tạo thành các khu công nghiệp tách biệt nằm bên cạnh các khu kinh tế. Nhằm ngăn chặn sự suy yếu của nền kinh tế và thúc đẩy các lĩnh vực ngành, nghề mới, Chính phủ Nhật Bản tập trung hỗ trợ toàn diện các ngành kinh doanh cạnh tranh mới trong bối cảnh toàn cầu hóa, đặc biệt là Chương trình cụm liên kết công nghiệp. Đây là hoạt động quan trọng của Chính phủ Nhật nhằm tạo mạng lưới vững chắc, vô hình để hình thành cụm công nghiệp trong các khu vực nhằm phát triển các ngành kinh doanh mới, tăng trưởng lĩnh vực liên doanh liên kết với các trường đại học.

Các cụm công nghiệp hiện nay ở Hàn Quốc đã được hình thành và phát triển dựa vào các chính sách phát triển kinh tế do Nhà nước đề ra. Các ngành công nghiệp có triển vọng đã được lựa chọn, hỗ trợ qua nhiều năm và đóng vai trò chủ chốt trong đẩy mạnh xuất khẩu, tăng việc làm, dẫn dắt sáng tạo của các nền kinh tế vùng.

Một số điểm nổi bật trong chính sách phát triển các khu công nghiệp tại Hàn Quốc:

Phát triển các khu công nghiệp xuất khẩu trong những năm 1960: các chính sách công nghiệp tập trung phát triển công nghiệp nhẹ, trọng tâm là ngành may mặc tại Ulsan và Guro.

Chiến lược phát triển cực tăng trưởng của những năm 1970: các chính sách công nghiệp tập trung phát triển công nghiệp nặng và hóa chất, trọng tâm là ngành sắt thép tại Pohang, máy móc (Changwon), điện tử (Gumi), hóa dầu (Ulsan).

Chính sách phát triển cân bằng trong những năm 1980: các chính sách công nghiệp tập trung vào các ngành công nghệ, trọng tâm là sản xuất nguyên vật liệu và linh kiện tại Bawon Sihwa và Namdong.

Đổi mới các cụm công nghiệp trong những năm 1990 và 2000: các chính sách công nghiệp tập trung vào ngành công nghệ thông tin tại Seoul Digital, Suwon và Ulsan.

Trong thời kỳ đầu mở cửa, Trung Quốc chọn các tỉnh duyên hải xây dựng hàng loạt các khu công nghiệp tập trung, biến các vùng đất không có khả năng sản xuất nông nghiệp thành các trung tâm công nghiệp, đô thị, từ đó mở rộng vào nội địa. Việc bố trí địa điểm

như vậy, có thể tận dụng được những điều kiện thuận lợi, không ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và ảnh hưởng đến khu dân cư.

Đến nay, Trung Quốc có hơn 2.500 khu công nghiệp ở cấp quốc gia và tỉnh, bao phủ 80% các doanh nghiệp công nghiệp và đóng góp hơn 50% GDP cả nước. Đến cuối năm 2023 và đầu năm 2024, có 178 khu công nghệ cao quốc gia, đóng góp lớn vào giá trị gia tăng công nghiệp⁽³⁾. Có nhiều khu công nghệ cao, trong đó có nhiều khu đạt cấp độ nhà nước và được hưởng một số chính sách ưu đãi. Phần nhiều các khu công nghệ cao thuộc các thành phố lớn ven biển hoặc thủ phủ của các tỉnh trong đất liền có nền kinh tế tương đối phát triển, như Vũ Hán, Hà Bắc, Quảng Châu, Hàng Châu... hoặc nằm ở các khu kinh tế ven biển, khu phát triển công nghệ hay khu kinh tế đặc biệt, đó là khu vực phát triển công nghệ cao và khoa học ở Thượng Hải; công viên công nghệ cao ở Đại Liên; công viên khoa học và công nghệ ở Thẩm Quyển; khu phát triển doanh nghiệp công nghệ cao ở Hạ Môn và công viên công nghệ và khoa học quốc tế ở Hải Nam.

Bốn là, hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nội địa.

Chính phủ Nhật Bản tích cực chỉ đạo các ngân hàng, cấp ưu đãi thuế, tín dụng cho doanh nghiệp nhưng giảm “liều lượng” ưu đãi để sớm đặt các doanh nghiệp hỗ trợ Nhật Bản trong sự cạnh tranh thị trường đầy đủ, lành mạnh hơn. Nhật Bản rất quan tâm đến việc thành lập các hiệp hội và tổ chức tín dụng, bảo lãnh tín dụng, tạo thị trường ngách cho các doanh nghiệp (thông qua các hợp đồng gia công giữa các công ty lớn với các doanh nghiệp nhỏ, tăng cường viện trợ và ký kết các hiệp định kinh tế - thương mại với các chính phủ nước ngoài để mở đường cho các doanh nghiệp hỗ trợ Nhật Bản thâm nhập thị trường thế giới...); đổi mới giáo dục nhận thức và đào tạo dạy nghề cho công nhân, tạo cơ hội phát triển ngành công nghệ hỗ trợ chủ yếu. Đặc biệt, để tạo kênh thông tin cho các doanh nghiệp hỗ trợ trong nước, Nhật Bản xuất bản Sách trắng về Công nghiệp, cung cấp lượng thông tin đáng tin cậy nhất.

Hàn Quốc thực hiện nhiều chính sách nhằm giúp nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, như:

Chính sách thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ: Hàn Quốc thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển vào đầu những năm 80 của thế kỷ XX. Qua đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trở thành những doanh nghiệp vệ tinh cung cấp bán thành phẩm cho các tập đoàn lớn. Chính phủ Hàn Quốc ban hành Luật Xúc tiến doanh nghiệp hỗ trợ, chỉ định một số ngành công nghiệp cũng như một số sản phẩm trong các ngành công nghiệp này là sản phẩm phụ trợ.

Chính phủ Hàn Quốc tập trung đầu tư cải thiện những mặt yếu kém của các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tăng khả năng cạnh tranh thông qua việc khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới cơ cấu quản lý và vận hành. Chính phủ định hướng lĩnh vực ưu tiên phát triển là các ngành công nghiệp chế tạo, hình thành loại hình “thung lũng Silicon Hàn Quốc” cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ 50% chi phí trang thiết bị và giảm thuế doanh thu, sử dụng tài sản, đất; nuôi dưỡng và thúc đẩy tăng trưởng, giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ có kinh phí hỗ trợ từ Nhà nước để nghiên cứu đổi mới công nghệ.

Chính sách hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ: hệ thống hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ bao gồm hệ thống bảo lãnh tín dụng trực thuộc Ngân hàng Trung ương. Hệ thống bảo lãnh tín dụng của Hàn Quốc được luật hóa từ năm 1961 nhằm giảm nhẹ khó khăn tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chính phủ Trung Quốc hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ qua nhiều phương diện. Thứ nhất, Luật Thúc đẩy doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành vào tháng 1-2003, đặt nền tảng cho sự hỗ trợ của Nhà nước đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo luật này, Chính phủ bảo vệ các khoản đầu tư hợp pháp của các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các nhà đầu tư cổ phần cùng với các khoản thu nhập đầu tư của các bên. Thứ hai vào năm 2005, Chính phủ Trung Quốc ban hành một văn bản có tiêu đề “Khuyến khích, hỗ trợ và hướng dẫn phát triển các đối tượng kinh tế tư nhân và kinh tế không thuộc sở hữu công” nhằm nói lỏng các điều kiện tiếp cận thị trường đối với các đơn vị kinh tế ngoài công lập, mở rộng không gian phát triển tổng thể. Thứ ba, Chính phủ Trung Quốc công bố Dự án Tăng trưởng doanh nghiệp vừa và nhỏ vào năm 2006 với mục tiêu như sau: 1- Thúc đẩy việc xây dựng hệ thống chính sách và quy định cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; 2- Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội của doanh nghiệp vừa và nhỏ; 3- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều chỉnh cơ cấu doanh nghiệp vừa và nhỏ; 4- Duy trì các doanh nghiệp vừa và nhỏ này; 5- Tăng cường đào tạo doanh nghiệp vừa và nhỏ; 6- Cải thiện khả năng sáng tạo; 7- Giải quyết những khó khăn ảnh hưởng đến doanh nghiệp vừa và nhỏ; 8- Khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ mở rộng ra nước ngoài thông qua việc cung cấp các ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài và các ưu đãi khác; 9- Cải thiện sự giám sát tổng thể của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Năm là, chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Các quốc gia này đều coi trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Sinh viên các trường khối kỹ thuật được tạo điều kiện thực tập tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, được ưu tiên tuyển chọn vào làm việc sau khi tốt nghiệp. Ở chiều ngược lại, các trường đào tạo luôn cập nhật chương trình, gắn và phục vụ trực tiếp những hoạt động sản xuất.

Nhật Bản đưa ra nhiều chính sách đãi ngộ, khuyến khích nhập cư những nhân lực có chất lượng cao. Hàn Quốc tập trung mở rộng giáo dục phổ thông, đẩy mạnh đào tạo nghề, phát triển các trường cao đẳng nghề và kỹ thuật. Hàn Quốc còn thực hiện chính sách hoàn lại 15% chi phí đầu tư cho nghiên cứu phát triển và đào tạo nguồn nhân lực.

Trung Quốc thực hiện các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ lực lượng kỹ sư kỹ thuật Hoa kiều đồng đảo về làm việc cho ngành công nghiệp trong nước. Tuyển chọn sinh viên học ở Mỹ và các nước có ngành công nghệ cao về nước. Đặc biệt, Trung Quốc đưa ra các chính sách hấp dẫn nhằm thu hút các chuyên gia, kỹ sư cao cấp từ các hãng lớn trên thế giới.

Sáu là, chính sách phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Các quốc gia này coi trọng xây dựng và hoàn thiện thể chế cho phát triển khoa học - công nghệ, hình thành một hệ thống đổi mới sáng tạo lành mạnh. Khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy khả năng thực hiện đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp thông qua khai thác

kết quả nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu,...

Chính phủ Nhật Bản tạo điều kiện phát triển các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) lớn trong các tập đoàn lớn, như Sony Corporation, Toyota Motors, Softbank,.. Chính phủ Hàn Quốc, Trung Quốc nỗ lực tạo ra một thể chế tốt hơn cho phát triển khoa học - công nghệ, hình thành một hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

Bên cạnh đó, để thu hút công nghệ bên ngoài, Nhật Bản luôn coi trọng và sử dụng phương pháp nhập khẩu với nhiều hình thức khác nhau, như nhập khẩu trực tiếp công nghệ, mua bằng phát minh sáng chế, khuyến khích người Nhật đi du học để tiếp thu những tri thức mới của phương Tây và “nhập khẩu” cả chuyên gia giỏi từ nhiều nước khác nhau trên thế giới. Hàn Quốc thông qua các khoản vay nước ngoài như một công cụ chính để khuyến khích các doanh nghiệp nước này nhập khẩu công nghệ, tiếp thu và cải tiến các công nghệ hiện đại.

Điều đặc biệt là, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc không bắt chước nguyên mẫu của nước ngoài, mà họ luôn tìm cách cải tiến công nghệ nhập khẩu để thích nghi chúng (thích ứng chuyển đổi). Vì sự ra đời và phát triển của các ngành công nghiệp mới rất nhanh và rồi nó cũng lại nhanh chóng bị thay thế bởi một ngành công nghiệp khác mới hơn. Đây là bí quyết thành công để rút ngắn thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các quốc gia này.

Một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

Giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, Việt Nam xác định đổi mới mô hình tăng trưởng tập trung chuyển dịch từ chiều rộng (vốn, lao động, tài nguyên) sang chiều sâu (khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số). Qua nghiên cứu thành công của quá trình công nghiệp hóa của Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc, có thể rút ra một số nhận xét có giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng:

Một là, chính sách phát triển cần linh hoạt, điều chỉnh phù hợp với bối cảnh và từng giai đoạn phát triển, phải đặt mục tiêu cụ thể, khả thi và cần bố trí những nguồn tài trợ cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ phát triển theo từng giai đoạn. Các nước này đều tập trung phát triển những ngành công nghiệp mũi nhọn quan trọng có tiềm năng trong nền kinh tế; cùng với đó, chính sách công nghiệp được xây dựng và điều chỉnh linh hoạt theo những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và các ngành công nghiệp nói riêng. Các mục tiêu đặt ra phù hợp bối cảnh từng giai đoạn và năng lực trong nước để bảo đảm tính khả thi.

Hai là, phát huy vai trò của nhà nước. Trong quá trình công nghiệp hóa các quốc gia này đều thống nhất, hoàn thiện bộ máy quản lý nhằm bảo đảm sự ổn định, phù hợp với thực tiễn và môi trường pháp lý. Bên cạnh đó, khắc phục những mâu thuẫn, thiếu nhất quán, thiếu sự đồng bộ trong các văn bản quy phạm pháp luật trong việc điều chỉnh toàn bộ các hoạt động liên quan đến phát triển công nghiệp.

Cùng với đó, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa lành mạnh. Lạm phát các quốc gia này nhìn chung thấp và có độ dao động nhỏ. Tỷ giá thực

không bị đánh giá quá cao để bảo đảm khả năng cạnh tranh. Nợ nước ngoài trong tầm kiểm soát. Sự ổn định kinh tế vĩ mô là yếu tố cần thiết bảo đảm các nguồn lực được phân bổ hiệu quả trên cơ sở tín hiệu giá cả phản ánh đúng “sự khan hiếm nguồn lực”.

Ngoài ra, các quốc gia này đều thực hiện chiến lược đầu tư hạ tầng dựa trên nền sản xuất hàng hóa để hướng về xuất khẩu mạnh mẽ, tạo thặng dư thương mại lớn. Trong khi hiện này, thặng dư thương mại của Việt Nam chủ yếu đến từ khu vực FDI, chiếm khoảng 80% giá trị xuất khẩu.

Ba là, cần có một lực lượng lao động có chất lượng để bảo đảm việc tận dụng, khai thác hữu hiệu cơ hội và nguồn lực sẵn có. Các quốc gia nêu trên rất chú trọng đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực. Chi ngân sách cho giáo dục vào loại cao (thường là 4% - 6% GDP). Chính sách đào tạo nguồn nhân lực bảo đảm đồng bộ, trên cơ sở định hướng các ngành, nghề và nhu cầu của doanh nghiệp. Cùng với đó, thị trường lao động ở các nước này nói chung khá linh hoạt. Cộng đồng doanh nhân và tinh thần kinh doanh được coi trọng và cổ vũ.

Bốn là, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn chặt với chiến lược mở cửa nền kinh tế, nhất là trong trao đổi thương mại nội khu vực và định hướng xuất khẩu với các thị trường phát triển. Chiến lược mở cửa của các nước này có một số đặc trưng nổi trội: Thứ nhất, định hướng xuất khẩu đi liền với bảo hộ công nghiệp trong nước (với mức độ khác nhau), song bảo hộ ít tạo ra ảnh hưởng xấu tới xuất khẩu nhờ một chính sách tỷ giá cạnh tranh và các biện pháp khuyến khích xuất khẩu, như miễn và hoàn thuế, dễ dàng tiếp cận ngoại hối, thiết lập khu vực thương mại tự do. Thứ hai, liên quan đến nguồn vốn từ bên ngoài, nếu như ở giai đoạn đầu nỗ lực nắm bắt công nghệ thì ở các giai đoạn tiếp theo, chú trọng hơn đến chuyển giao công nghệ.

Năm là, phải dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, hướng đến tăng trưởng xanh. Để có được thành công trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa các quốc gia này đều coi trọng khoa học - công nghệ, quan tâm đầu tư đúng mức. Đồng thời, có chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài. Chính sách công nghiệp hóa phải hướng đến xanh hóa và thông minh hóa, phát triển bền vững, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an ninh con người. Đặc biệt trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cần đẩy mạnh chuyển đổi số và hướng đến phát triển công nghiệp công nghệ số.

Sáu là, tăng cường giám sát việc thực hiện các chương trình về phát triển tại các cấp chính quyền. Chiến lược phát triển công nghiệp bao gồm chiến lược của cả quốc gia và chiến lược của các vùng, các địa phương, trong đó chiến lược phát triển công nghiệp vùng phải được xây dựng trên cơ sở chiến lược phát triển công nghiệp của quốc gia, tiếp theo đó chiến lược phát triển công nghiệp của các địa phương phải được xây dựng trên cơ sở chiến lược của vùng và chiến lược phát triển chung của cả nước. Để bảo đảm hiệu quả của việc thực hiện chiến lược, trong mỗi giai đoạn phát triển cần phải được giám sát, đánh giá lại tính phù hợp của các chính sách đã đưa ra, cũng như định hướng, thay đổi, đưa ra những

sửa đổi kịp thời.

Kinh nghiệm công nghiệp hóa “rút ngắn” thành công của Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc cho Việt Nam nhiều bài học trong việc đổi mới mô hình tăng trưởng, đặc biệt, các quốc gia này luôn coi trọng vai trò kiến tạo của Nhà nước, chiến lược hướng về xuất khẩu, chú trọng giáo dục - công nghệ và phát triển hệ sinh thái đi kèm. Bối cảnh thế giới hiện nay khác nhiều, trong nỗ lực đổi mới mô hình phát triển, đổi mới lĩnh vực công nghiệp, để đáp ứng yêu cầu của phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Việt Nam cần tập trung vào một số ngành công nghiệp mũi nhọn, đặc biệt công nghiệp bán dẫn. Để có được thành công, những bài học, kinh nghiệm từ các nước thành công đi trước rất cần thiết, nhất là trong việc áp dụng mô hình “rút ngắn”, ưu tiên công nghệ cao, nâng cao nội lực doanh nghiệp trong nước và gắn công nghiệp hóa với bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

(1) S. Masuyama, and D. Vandenbrink: “*Industrial Restructuring in East Asian Economies for the Twenty-First Century*” (Tạm dịch: “Tái cấu trúc công nghiệp trong các nền kinh tế Đông Á cho thế kỷ XXI), in Masuyama et al (eds), *Industrial Restructuring in East Asia towards the 21st Century*, NRI-ISEAS, Tokyo - Singapore, pp.3-54, 2001

(2) Bao gồm: 1- Công nghệ thông tin thế hệ tiếp theo; 2- Máy móc điều khiển số và rô bốt công nghệ cao; 3- Thiết bị hàng không và vũ trụ; 4- Thiết bị kỹ thuật hàng hải và công nghiệp đóng tàu biển công nghệ cao; 5- Thiết bị đường sắt tân tiến; 6- Phương tiện tiết kiệm năng lượng và sử dụng nguồn năng lượng mới; 7- Vật liệu mới; 8- Công nghệ y sinh và thiết bị y tế chất lượng cao; 9- Máy móc và thiết bị nông nghiệp; 10- Công nghiệp in 3D

(3) Xem: Nguyễn Thị Minh Ngọc: Phát triển xanh các khu công nghiệp ở Trung Quốc và hàm ý chính sách đối với Việt Nam, *Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán*, số 282(2025)